CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÚC ĐẨY LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

PGS.TS. Vũ Duy Nguyên* - ThS. Lê Vũ Thanh Tâm**

Bài viết phân tích vai trò của chi ngân sách nhà nước (NSNN) đối với phát triển kinh tế tập thể (KTTT), trọng tâm là việc thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị. Trên cơ sở tổng hợp số liệu giai đoạn 2018-2025, bài viết chỉ ra chi NSNN đã góp phần quan trọng trong hỗ trợ cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học - công nghệ và thúc đẩy chuyển đổi tư duy quản trị và các năng lực về liên kết của HTX. Tuy nhiên, nguồn chi NSNN vẫn còn hạn chế, phân bổ dàn trải, hiệu quả chưa đồng đều. Bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện chi NSNN giai đoạn 2026-2030 theo hướng trọng tâm, minh bạch, khuyến khích đối ứng và gắn với kết quả đầu ra.

• Từ khóa: *chi ngân sách nhà nước, kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên kết chuỗi giá trị.*

The article analyzes the role of state budget expenditures in collective economic development, focusing on promoting value chain linkages. Based on data from 2018-2025, the article shows that budget expenditures have made an important contribution to supporting infrastructure, training human resources, applying science and technology, and promoting the transformation of management thinking and cooperatives' capabilities in horizontal and vertical linkages. However, state budget expenditures are still limited, distributed widely, and efficiency is uneven. The article proposes a number of recommendations to improve the efficiency of state budget expenditures in the 2026-2030 period in a focused, transparent, and mutually beneficial manner, and linked to output results.

• Key words: *state budget expenditures, collective economy, cooperatives, value chain linkages.*

Ngày nhận bài: 20/11/2025
Ngày gửi phản biện: 20/01/2026
Ngày duyệt đăng: 23/02/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i308.05

Mở đầu

Kinh tế tập thể (KTTT) với nòng cốt là hợp tác xã (HTX) luôn được Đảng và Nhà nước khẳng định là một thành phần quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết số 20-NQ/TW (2022) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT đã xác định rõ "Phát triển HTX phải gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh". Điều này đã khẳng định việc thí điểm mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trong phát triển HTX, Liên hiệp HTX (LH HTX) và Tổ hợp tác (THT) tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP đã có nhiều kết quả tốt trong thực tiễn (có 2.412 HTX, 1.305 doanh nghiệp, 538 tổ hợp tác (THT) và 211.545 hộ nông dân tham gia). Về lý luận, hai lý thuyết quan trọng làm cơ sở giải thích ý nghĩa tích cực của mô hình này trong thúc đẩy KTTT, gồm: (i) lý thuyết về chuỗi giá trị (Value Chain) của Michael Porter (1985) nhấn mạnh về liên kết ngang và liên kết dọc trên 6 nội dung: (i) Logistics đầu vào, (ii) Hoạt động sản xuất, (iii) Logistics đầu ra, (iv) Tiếp thị và bán hàng, (v) Dịch vụ sau bán hàng và (vi) Hạ tầng và quản trị; (ii) lý thuyết chi phí giao dịch (Transaction Cost Theory) của Ronald Coase (1937) và Williamson (1975) giải thích cơ chế vận hành mô hình đem lại lợi ích giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của các chủ thể trong KTTT và doanh nghiệp khi tham gia vào liên kết theo chuỗi giá trị.

Việc để các chủ thể HTX, THT, LH HTX và doanh nghiệp tự thân tham gia sâu vào mô hình liên kết theo chuỗi giá trị còn nhiều rào cản nên cần có những tác động chính sách từ nhà nước, trong đó nguồn chi ngân sách nhà nước giữ vai trò then chốt, hỗ trợ nguồn tài chính ban đầu về đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực, truyền thông và tư vấn kỹ thuật về mô hình, hỗ trợ nguồn tài chính, nghiên cứu R&D gắn với các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị. Tuy nhiên câu hỏi đối với các nhà quản lý và nhà nghiên cứu đang quan tâm là chi ngân sách nhà nước đã thực sự phát huy vai trò trong việc thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị trong phát triển KTTT trong giai đoạn 2018-2025 hay chưa? và cần có những giải pháp và khuyến nghị gì cho giai đoạn 2026-2030.

** Học viện Tài chính; email: vuduynguyen@hvtc.edu.vn*
*** Viện Kinh tế - Tài chính, Học viện Tài chính; email: lvttam53b@gmail.com*

1. Thực trạng liên kết chuỗi giá trị trong kinh tế tập thể tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, mối liên kết giữa HTX và doanh nghiệp tại Việt Nam ngày càng được thúc đẩy, mang lại nhiều kết quả tích cực. Nhiều mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đã hình thành, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, giúp HTX tiếp cận công nghệ, vốn, lao động chuyên nghiệp và thị trường, đồng thời giúp doanh nghiệp đảm bảo nguồn cung ổn định, chất lượng. Một số kết quả nổi bật là:

Thứ nhất, đã phê duyệt được số lượng khá lớn các dự án, kế hoạch liên kết, rộng khắp trên phạm vi cả nước. Theo số liệu báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp từ 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tính đến hết tháng 06/2025, cả nước có 2.938 dự án và kế hoạch liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP được phê duyệt.

Hình 1: Số dự án, kế hoạch liên kết phân theo vùng

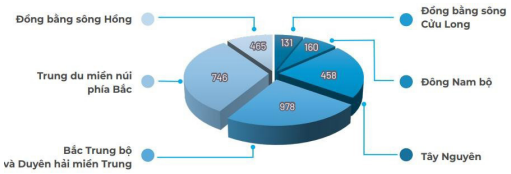

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025)

Thứ hai, hình thành được nhiều mô hình liên kết theo chuỗi giá trị ở nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Qua tổng hợp, Việt Nam hiện có 07 hình thức liên kết được phân loại theo hình thức liên kết giữa các công đoạn trong chuỗi từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong số các dự án, kế hoạch liên kết, lĩnh vực trồng trọt có nhiều nhất với 1.969 dự án, kế hoạch (chiếm 67%), tiếp đến là chăn nuôi có 695 dự án, kế hoạch (chiếm 23,7%); thủy sản có 90 dự án, kế hoạch (chiếm 2,5%); lâm nghiệp chỉ có 184 dự án, kế hoạch (chiếm 6,3%).

Thứ ba, các HTX, doanh nghiệp liên kết đã thể hiện được vai trò là tác nhân chủ đạo trong các chuỗi liên kết. Trong các chuỗi liên kết lĩnh vực nông nghiệp, đối tượng tham gia có 2.412 HTX, 1.305 doanh nghiệp, 538 tổ hợp tác (THT) và 211.545 hộ nông dân tham gia. Trong số này, có 2.331 dự án, kế hoạch liên kết do các HTX làm chủ trì liên kết và 607 dự án, kế hoạch liên kết do doanh nghiệp làm chủ trì liên kết; chủ trì liên kết chịu trách nhiệm xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết. Đối với các dự án liên kết, chủ trì liên kết là chủ đầu tư dự án liên kết.

Thứ tư, các liên kết giữa HTX và doanh nghiệp đã góp phần khơi thông tiềm năng, phát triển thị trường ổn định, bền vững cho các sản phẩm chủ lực địa phương và quốc gia. Các địa phương đã phê duyệt được 1.738 liên kết đối với các sản phẩm chủ lực quốc gia, 1.200 sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm ưu tiên, có lợi thế của địa phương. Trên cơ sở 13 nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, các địa phương đã tập trung xây dựng được 1.738 chuỗi liên kết.

2. Thực trạng chi ngân sách thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị trong kinh tế tập thể tại Việt Nam

2.1. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII là kim chỉ nam định hướng và chỉ rõ phát triển KTTT là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài, trong đó nhấn mạnh yêu cầu triển khai mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với phát triển KTTT và cần thiết đổi mới cơ chế tài chính hướng chi NSNN vào hỗ trợ HTX, doanh nghiệp liên kết tham gia chuỗi giá trị, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Qua đó, cơ sở pháp lý và định hướng chi NSNN thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị được đề cập tại Luật hợp tác xã năm 2012 và Luật hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023. Trong đó, luật đã xác lập rõ cơ chế ưu đãi tài chính, tín dụng và hỗ trợ từ NSNN đối với khu vực KTTT. Các quy định này tập trung vào việc hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại, chuyển đổi số và đổi mới công nghệ. Đồng thời, Nhà nước cho phép các HTX được tiếp cận ưu đãi về thuế, đất đai, và vốn vay từ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX hoặc Ngân hàng HTX Việt Nam. Bên cạnh đó, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong từng giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước; hay Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn cũng cụ thể hóa đường lối, quy định pháp lý đối với các chính sách tài chính, trong đó có chi NSNN thúc đẩy mô hình liên kết chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

2.2. Thực trạng chi ngân sách thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị trong kinh tế tập thể tại Việt Nam

Theo Bộ Tài chính, ước tính đến hết năm 2025, tổng chi NSNN hỗ trợ KTTT, trong đó nòng cốt là HTX (28.473 HTX hưởng hỗ trợ) đạt khoảng 5.646 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương 3.056 tỷ đồng, chiếm 51%; Ngân sách địa phương 1.625 tỷ đồng, chiếm 28,8%; Nguồn vốn khác 965 tỷ đồng chiếm 17,1%), chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản.

Chi NSNN cho thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị trong KTTT được triển khai cụ thể trong giai đoạn 2021-2025 trên các khía cạnh sau:

Thứ nhất, tỷ trọng chi NSNN trong tổng kinh phí được phê duyệt cho các dự án, kế hoạch gắn với liên kết theo chuỗi giá trị.

Giai đoạn 2021-2025, cả trung ương và các địa phương đã bố trí 15.243 tỷ đồng để hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với triển

khai Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, trong đó chi NSNN hỗ trợ 3.186 tỷ đồng (chiếm 20,9%), 79,1% kinh phí dự án, kế hoạch liên kết, tương ứng 12.057 tỷ đồng từ các doanh nghiệp, HTX và hộ gia đình đối ứng. Tính bình quân kinh phí/1 dự án, kế hoạch liên kết được duyệt là 5,188 tỷ đồng, trong đó chi NSNN hỗ trợ 1,085 tỷ đồng.

Thứ hai, cơ cấu chi NSNN theo số lượng HTX và doanh nghiệp (DN) tham gia chủ trì liên kết theo chuỗi giá trị. Số lượng HTX và Doanh nghiệp chủ trì liên kết nhận hỗ trợ từ NSNN còn rất khiêm tốn so với tổng số HTX đang hoạt động, ở mức 2.331 HTX và 607 doanh nghiệp. Mức hỗ trợ NSNN trung bình cho HTX và DN cũng ở mức thấp, chỉ ở mức 0, 99925 tỷ đồng/HTX và 1,0845 tỷ đồng/DN.

Bảng 1. NSNN hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết được phê duyệt theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP thông qua các chủ trì liên kết

TT	Chủ trì liên kết	NSNN hỗ trợ		Chủ trì liên kết	
		Số lượng (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Số lượng (DN, HTX)	Cơ cấu (%)
1	Hợp tác xã	2.329,259	73,1	2.331	79,3
2	Doanh nghiệp	857,142	26,9	607	20,7
	Tổng	**3.186,401**	**100**	**2.938**	**100,0**

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025)

Thứ ba, Chi NSNN theo các nội dung chi hỗ trợ HTX và doanh nghiệp tham gia liên kết. Chi NSNN hỗ trợ các dự án, kế hoạch liên kết theo 03 nhóm nội dung chi chủ yếu sau: i) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác với 2.110,5 tỷ đồng, chiếm 66,2%, thông thường các dự án không yêu cầu vốn đối ứng từ HTX và doanh nghiệp. Định mức hỗ trợ NSNN được thực hiện theo quy định; ii) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ liên kết với 959,9 tỷ đồng, chiếm 30,1% phân bổ cho 1.968 dự án liên kết, bình quân hỗ trợ 0,487 tỷ đồng/dự án liên kết, chỉ đạt khoảng 30% vốn đầu tư về máy móc thiết bị và rất thấp so với mức trần hỗ trợ 10 tỷ theo quy định của nghị định; iii) Tư vấn xây dựng liên kết với 115,9 tỷ đồng, chiếm 3,6% NSNN phân bổ cho 1.920 dự án, kế hoạch liên kết, trung bình hỗ trợ 0,06 tỷ/dự án, kế hoạch.

Thứ tư, chi NSNN thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị trong khu vực KTTT thì Nhà nước đang triển khai các nhóm chính sách quan trọng, gồm: Một là, Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 với tổng vốn trung hạn 734,5 tỷ đồng, trong đó khoảng 40% dành cho đầu tư hạ tầng sản xuất, tiêu thụ, 30% cho đào tạo và chuyển đổi số, 30% cho xúc tiến thương mại và xây dựng chuỗi giá trị; Hai là, Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX Trung ương và địa phương có tổng vốn điều lệ khoảng 550 tỷ đồng, đang cung cấp các khoản vay ưu đãi 0,6-0,8%/tháng để HTX đầu tư máy móc, kho lạnh, cơ sở chế biến, song quy mô quỹ mới đáp ứng khoảng 10-15% nhu cầu vốn thực tế; Ba là, Ngân hàng HTX Việt Nam (Co-opBank) đóng vai trò trung gian tài chính then chốt, kết nối hơn 1.200 quỹ tín dụng nhân dân. Chính phủ dự thảo đề xuất tăng vốn điều lệ thêm 5.000 tỷ đồng từ NSNN giai đoạn 2025-2030 nhằm mở rộng khả năng cấp tín dụng ưu đãi cho các HTX sản xuất, kinh doanh quy mô lớn, có tham gia vào liên kết chuỗi giá trị.

2.3. Một số vấn đề đặt ra về chi ngân sách thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị trong kinh tế tập thể

Một là, quy mô chi NSNN dành cho KTTT, HTX tham gia liên kết còn nhỏ và dàn trải với tổng mức chi NSNN trong giai đoạn 2018-2025 chỉ 3.186,401 tỷ đồng, bình quân chỉ ở mức 0,99925 tỷ đồng/HTX, quá thấp để tạo ra chuyển biến căn bản. Việc phân bổ nguồn lực vẫn còn dàn trải, thiếu trọng tâm, thiếu tính quy hoạch tổng thể vùng, quy hoạch theo chuỗi giá trị các sản phẩm có thương hiệu quốc gia và quốc tế, theo quy hoạch vùng nguyên liệu lớn khiến hiệu quả đầu tư bị phân tán. Nhiều địa phương triển khai các dự án hỗ trợ quy mô nhỏ, không đủ nguồn lực để hình thành chuỗi giá trị hoàn chỉnh, dẫn đến tình trạng đầu tư có hiện tượng manh mún, phạm vi hẹp, tác động ngắn hạn và thiếu tính bền vững.

Hai là, cơ cấu chi NSNN vẫn chưa hợp lý, tập trung chưa tương xứng vào hạ tầng cứng có tính liên kết về chuỗi giá trị. Phần chi NSNN cho đầu tư hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ liên kết mới đạt 959,9 tỷ đồng, chiếm 30,1%, bình quân hỗ trợ 0,487 tỷ đồng/dự án liên kết. Chi NSNN cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất gắn với liên kết chuỗi như đường nội đồng, kho chứa, nhà xưởng, hạ tầng nông nghiệp cho vùng nguyên liệu lớn còn hạn chế trong tổng chi đầu tư cơ sở hạ tầng cho HTX.

Ba là, cơ chế giám sát, đánh giá và minh bạch thông tin chi NSNN còn chồng chéo, chủ yếu dựa trên đầu vào (số dự án, số tiền hỗ trợ từu NSNN) thay vì đầu ra của chuỗi giá trị (sản lượng, doanh thu, tỷ lệ hợp đồng liên kết…); chưa có cơ chế để thực hiện chế độ báo cáo, thống kê nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý. Điều này có thể gây khó khăn cho công tác đánh giá quá trình thực hiện chính sách, đồng thời gây cản trở phản hồi chính sách, làm cho việc điều chỉnh, bổ sung, chỉnh sửa chính sách phù hợp với yêu cầu của thực tiễn trở nên mất tính kịp thời, giảm hiệu quả của chính sách. Bên cạnh đó, cơ chế khuyến khích phối hợp đối tác công – tư (PPP) trong phát triển hạ tầng gắn với chuỗi giá trị vẫn còn thiếu và yếu. Các chính sách tài chính khác có tính hỗ trợ như ưu đãi thuế, bảo lãnh tín dụng hay chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước, doanh nghiệp và HTX, các loại hình của KTTT chưa được triển khai hiệu quả, khiến nguồn vốn đối ứng xã hội gắn với các hoạt động liên kết theo chuỗi giá trị còn nhiều hạn chế.

Bốn là, năng lực hấp thụ và tự chủ tài chính của HTX còn yếu. Phần lớn HTX có quy mô nhỏ, mức góp vốn

của các thành viên hộ gia đình thấp (bình quân vốn điều lệ chỉ khoảng 1,2-1,5 tỷ đồng/HTX), thiếu nhân sự quản lý có chuyên môn và kỹ năng và kinh nghiệm lập dự án, tổ chức triển khai hợp đồng liên kết theo chiều ngang và chiều dọc của chuỗi giá trị. Trong khi đó, một số HTX lại phụ thuộc vào NSNN, chưa chủ động tìm kiếm đối tác hoặc huy động vốn xã hội hóa để duy trì hoạt động sau khi hết hỗ trợ.

Năm là, chi NSNN cho các dự án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh có sản phẩm đạt chuẩn quốc gia, quốc tế, đạt chứng nhận tiêu chuẩn, chuyển đổi số và công nghệ xanh vẫn còn rất thấp, nên HTX còn gặp nhiều khó khăn trong đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phát triển bền vững và hội nhập thị trường quốc tế. Tỷ lệ HTX đạt các tiêu chuẩn sản xuất bền vững như VietGAP, GlobalGAP hay hữu cơ còn thấp, chỉ khoảng 440.000 ha (năm 2024), chiếm chưa đến 1% tổng diện tích canh tác, trong khi đây là điều kiện gần như bắt buộc để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

3. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, *tiếp tục hoàn thiện khung thể chế và cơ chế phân bổ ngân sách theo kết quả đầu ra*. Tăng cường chuyển dịch phương thức chi NSNN theo dự án, kế hoạch liên kết và gắn với kết quả đầu ra của chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh cao, lấy các chỉ tiêu như: doanh thu gắn với liên kết chuỗi giá trị, tỷ lệ sản phẩm được tiêu thụ qua hợp đồng liên kết, hay số lượng thành viên được hưởng lợi thực chất từ liên kết.

Thứ hai, *cơ cấu lại nội dung chi ngân sách theo hướng cân bằng giữa chi đầu tư cứng và đầu tư mềm. Hoàn thiện nội dung chi NSNN cho các dự án liên kết gắn với phát triển hạ tầng*. Tăng tỷ trọng chi cho các hoạt động nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, kinh doanh của các HTX theo chuỗi giá trị: logistics đầu vào, logistics đầu ra, xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, đào tạo quản trị số, tư vấn pháp lý về kế toán, tài chính, quy trình giải ngân từ vốn NSNN, hỗ trợ chứng nhận tiêu chuẩn (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, truy xuất nguồn gốc xuất xứ...). Cần thiết lập Quỹ hỗ trợ phát triển liên kết chuỗi giá trị HTX cấp quốc gia, có chức năng phối hợp, giám sát và đánh giá hiệu quả chi NSNN theo tiêu chí định lượng, thay vì theo hình thức phân tán về địa phương như hiện nay.

Thứ ba, *hoàn thiện hệ thống giám sát, đánh giá và minh bạch thông tin chi NSNN hỗ trợ liên hoạt động liên kết theo chuỗi giá trị*. Một trong những yêu cầu cấp thiết là xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về chi NSNN thúc đẩy phát triển KTTT và HTX, kết nối giữa Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công thương và các địa phương.

Thứ tư, *nâng cao năng lực quản trị và khả năng hấp thụ vốn và nguồn chi NSNN của các chủ thể cấu thành KTTT*. Nhà nước cần triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu cho cán bộ quản lý HTX, LH HTX, LM HTX về chế đọ kế toán mới, báo cáo tài chính, tài chính doanh nghiệp, quy trình giải ngân vốn NSNN, vốn tín dụng, cách lập dự án đầu tư, tiếp cận vốn và quản trị sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị quốc gia và toàn cầu. Các trường đại học, viện nghiên cứu, và Liên minh HTX Việt Nam nên được giao nhiệm vụ xây dựng hệ thống đào tạo chuẩn hóa và chứng nhận năng lực cán bộ HTX, LH HTX.

Thứ năm, *định hướng chi NSNN thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị gắn với chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và hội nhập kinh tế quốc tế của KTTT*. Trong bối cảnh cam kết giảm phát thải ròng đến năm 2050, các khoản chi NSNN hỗ trợ KTTT nên ưu tiên các mô hình chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, tuần hoàn, nông nghiệp thông minh đáp ứng theo tiêu chuẩn ESG. Đồng thời, cần tăng chi NSNN cho hoạt động hỗ trợ HTX tham gia chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, bao gồm tiếp cận tiêu chuẩn sản phẩm quốc gia và quốc tế, xúc tiến thương mại quốc tế, chứng nhận chất lượng, và hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ cho sản phẩm địa phương, chỉ dẫn địa lý và các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ gắn với chuỗi giá trị. Đây là hướng đi tất yếu để khu vực KTTT không chỉ tham gia mà còn nâng cấp vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Kết luận: Chi NSNN thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị trong phát triển KTTT là một chính sách mang tính chiến lược, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy HTX, LH HTX, THT nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và đóng góp cho phát triển bền vững khu vực nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, để phát huy hơn nữa tiềm năng liên kết theo chuỗi giá trị, giai đoạn 2026-2030, cần cải thiện hơn nữa chiến lược và phương pháp quản lý chi NSNN cho phù hợp với bối cảnh mới trong và ngoài nước, dựa trên nguyên tắc trọng tâm, minh bạch, có ràng buộc trách nhiệm, khuyến khích đối ứng và có giải trình. Đồng thời, nên kết hợp chặt chẽ với chính sách ưu đãi thuế, chính sách tín dụng ưu đãi, chuyển đổi số và xây dựng thương hiệu ảnh hưởng tầm rộng hơn để HTX, LH HTX thực sự trở thành hạt nhân trong các chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực trên thị trường quốc gia và quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

Ban Chỉ đạo quốc gia về KTTT (2024). Báo cáo Tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo quốc gia về KTTT, Hà Nội.

Ban Chấp hành Trung ương (2022), Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới, Hà Nội.

Bộ Tài chính (2025), Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX 2021-2025 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTTT, HTX 2026-2030, Hà Nội.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025) Kết quả 06 năm triển khai thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Chính phủ (2018), Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Quốc hội (2023), Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023

Cục Thống kê (2023), Sách trắng Hợp tác xã năm 2023, Nxb Thống kê, Hà Nội.

Porter, Michael E., "Competitive Advantage". 1985, Ch. 1, pp 11-15. The Free Press. New York.